

CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

TS. PHẠM XUÂN ĐƯƠNG

Ủy viên Trung ương Đảng,

Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương

1. Việt Nam đang trong tiến trình đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế của thế giới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: cải cách nền hành chính và phát triển nguồn nhân lực, đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) là những nội dung của hai trong ba khâu đột phá chiến lược để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. CCHC là nhằm góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo ra môi trường sản xuất - kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, thông thoáng để huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển đất nước. CCHC cũng nhằm hướng đến phục vụ nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới GDĐT và phát triển nguồn nhân lực là nhân tố trung tâm, quyết định thắng lợi của công cuộc này. Trên tinh thần tôn trọng và nỗ lực thực hiện các cam kết quốc tế với tư cách là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các

tổ chức, định chế tài chính - kinh tế, các hiệp định song phương, đa phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Việt Nam đã và đang có những bước tiến trong việc thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế đó. Vấn đề CCHC công, cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được Việt Nam quan tâm và xác định đó là động lực quan trọng cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước bền vững.

Một trong những tiêu điểm hiện nay được dư luận trong nước và quốc tế quan tâm là việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm đưa Việt Nam sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và cải cách toàn diện nền hành chính quốc gia, phát triển nhanh nguồn nhân lực, đổi mới cơ bản, toàn diện GDĐT, hướng tới mục tiêu: "Xây dựng một nền hành chính hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tiết kiệm, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn" và "Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện, phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân".

2. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá, kế thừa những kết quả đạt được, chúng ta đã rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm để khắc phục hạn chế, thiếu sót từ quá trình thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2001 - 2010. Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu thực tiễn, kinh nghiệm của quốc tế và các quốc gia tương đồng với Việt Nam về văn hoá, kinh tế - xã hội, *Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020* đã được ban hành với 5 mục tiêu là: 1) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước. 2) Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính. 3) Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCN) từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các CQHCCN. 4) Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước. 5) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức (CBCC), viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Trọng tâm CCHC trong giai đoạn này là cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC,

viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để CBCC, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

Về lộ trình thực hiện, gồm hai giai đoạn: *Giai đoạn 1 (2011 - 2015)* gồm các mục tiêu sau: sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương để tránh sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các CQHCCN; trách nhiệm, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp được phân định hợp lý; quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới cơ bản; thể chế về sở hữu, đất đai, doanh nghiệp nhà nước được xây dựng và ban hành ngày càng phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí của cá nhân, tổ chức khi giải quyết thủ tục hành chính tại CQHCCN; cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai 100% vào năm 2013 tại tất cả CQHCCN ở địa phương; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của CQHCCN đạt mức trên 60%; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 60% vào năm 2015; 50% các CQHCCN có cơ cấu CBCC theo vị trí việc làm; trên 80% công chức cấp xã ở vùng đồng bằng, đô thị và trên 60% ở vùng miền núi, dân tộc đạt tiêu chuẩn theo chức danh; tiếp tục đổi mới chế độ tiền

lương đối với CBCC, viên chức. Tập trung nguồn lực ưu tiên cho điều chỉnh mức lương tối thiểu chung; xây dựng và ban hành cơ chế tiền lương riêng đối với từng khu vực: khu vực hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm và tính trong chi quản lý hành chính nhà nước; khu vực lực lượng vũ trang do ngân sách nhà nước bảo đảm và tính trong chi ngân sách nhà nước cho quốc phòng, an ninh; khu vực sự nghiệp công do quỹ lương của đơn vị sự nghiệp bảo đảm và được tính trong chi ngân sách nhà nước cho ngành; 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các CQHCNN được thực hiện trên mạng điện tử; 100% CQHCNN từ cấp huyện trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định; các trang tin, cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành việc kết nối với cổng thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên internet.

Giai đoạn 2 (2016 - 2020) gồm các mục tiêu sau: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; hệ thống các CQHCNN từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt trên 80% vào năm 2020. Đến năm 2020, đội ngũ CBCC, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các CQHC-

NN có cơ cấu CBCC theo vị trí việc làm; chính sách tiền lương của CBCC, viên chức được cải cách cơ bản; thực hiện thang, bảng lương và các chế độ phụ cấp mới. Đến năm 2020 tiền lương của CBCC, viên chức được cải cách cơ bản, bảo đảm được cuộc sống của CBCC, viên chức và gia đình ở mức trung bình khá trong xã hội; sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các CQHCNN đạt mức trên 80% vào năm 2020. Đến năm 2020, việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của các CQHCNN cơ bản được thực hiện bằng mạng thông tin điện tử hành chính của chính phủ điện tử.

Để đạt được những mục tiêu trên, các nhiệm vụ đã được đặt ra kèm theo những giải pháp gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện được giao một cách rõ ràng, bảo đảm sự thành công của công cuộc CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

3. Phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã xác định con người là nhân tố trung tâm của sự thành công. Đổi mới GDĐT và phát triển nguồn nhân lực là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước bền vững. Đảng và Chính phủ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, đánh giá để xây dựng, ban hành và tổ chức thực thi vấn đề lớn này với một số nội

dung cơ bản sau:

Về quan điểm chỉ đạo. GDĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở GDĐT, việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

Phát triển GDĐT là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Phát triển GDĐT phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và

công nghệ; phù hợp với quy luật khách quan. Chuyển trạng thái phát triển GDĐT từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả.

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo, chuẩn hoá, hiện đại hoá GDĐT.

Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng XHCN trong phát triển GDĐT. Phát triển hài hoà, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển GDĐT đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hoá, xã hội hoá GDĐT. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển GDĐT, đồng thời GDĐT phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

Về mục tiêu. Mục tiêu tổng quát cần tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả GDĐT; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc

tế đối với hệ thống GDĐT; giữ vững định hướng XHCN và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Mục tiêu cụ thể đối với các bậc giáo dục nói chung đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hoá các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xoá mù chữ bền vững. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục

từ xa. Đối với việc dạy tiếng Việt và truyền bá văn hoá dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài, có chương trình hỗ trợ tích cực việc giảng dạy tiếng Việt và truyền bá văn hoá dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần phát huy sức mạnh của văn hoá Việt Nam, gắn bó với quê hương, đồng thời xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước.

Để đạt được những mục tiêu trên, các nhiệm vụ đã được đặt ra kèm theo những giải pháp gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của cả hệ thống chính trị, đồng thời giao cho các cơ quan cụ thể chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm triển khai hiệu quả, thành công chủ trương, định hướng trên.

Trên đây là một số vấn đề cơ bản trong hai nhóm liên quan tới hành chính công và quản trị công được đề cập. Việt Nam đang hết sức nỗ lực tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; trong đó cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, cơ cấu lại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, áp dụng khung quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao trong hội nhập quốc tế, tách chức năng chủ sở hữu vốn, tài sản nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế đất nước, phục vụ thiết thực công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm đưa Việt Nam sớm cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại□